

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/DSPT
Ngày 06 tháng 9 năm 2018
V/v: "tranh chấp hợp đồng góp hội
và hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Các thẩm phán: Ông Trương Văn Tâm
Ông Cao Minh Vỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu: Ông Vũ Trí Thức- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2018/TLPT-DS ngày 19-6-2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hội và hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 03-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 63/2018/QĐPT-DS ngày 26-7-2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2018/QĐ-PT ngày 14-8-2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1980; Địa chỉ: đường A, khu phố 7, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

- Bà Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1985; Địa chỉ: tổ 12 ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà G: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1982; địa chỉ: số 2 đường D, khu dân cư N, tổ 10, khu phố 6, phường P, Quận L, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Xuân Y, sinh năm 1973 (có mặt);

Và ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1965 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ 3, khu phố 7, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Y, ông H: Ông Trần Công N, sinh năm 1966, Luật sư Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn M, sinh năm 1977; Địa chỉ: đường A, khu phố 7, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông M là ông Nguyễn Thái H (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Hữu H, bà Võ Thị Xuân Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai, nguyên đơn bà Trần Thị H, bà Trần Thị Ngọc G trình bày:

Bà Trần Thị H trình bày:

+ Về góp hụi: Bà Trần Thị H có tham gia chơi hụi do bà Y, ông H làm chủ hụi. Chủ hụi là người thu tiền của những người chơi hụi, sau đó giao cho những người hốt hụi, chủ hụi được ưu tiên hốt trước. Người nào bỏ thăm số tiền cao nhất thì được hốt hụi trước, sau đó đóng hụi cho chủ hụi để thanh toán cho người hốt hụi sau. Các dây hụi đều được bà Yên ghi danh sách hụi viên, ngày mở và ngày kết thúc việc chơi hụi.

Bà H đã tham gia chơi các dây hụi như sau:

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 25-6-2017 (âm lịch), gồm 14 hụi viên (bà H tham gia góp 02 phần, một phần lấy tên là Em T). Bà H góp tiền được 03 tháng cho 02 phần hụi nhưng chưa được hốt thì bà Y, ông H ngưng hụi đối với bà H. Do vậy bà H yêu cầu bà Y, ông H phải trả cho bà tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 20-4-2017 (âm lịch), gồm 14 hụi viên (bà H tham gia góp hụi 02 phần, một phần lấy tên là Em T). Bà H góp tiền được 06 tháng cho 02 phần hụi thì bà Y, ông H ngưng hụi đối với bà H. Do vậy bà H yêu cầu bà Y, ông H phải trả cho bà số tiền là 60.000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 15-5-2017 (âm lịch), gồm 14 hụi viên (bà H tham gia góp hụi 02 phần, một phần lấy tên là Em T). Bà H đóng được 05 tháng cho 02 phần hụi thì bà Y, ông H ngưng hụi đối với bà H. Do vậy bà H yêu cầu bà Y, ông H phải trả cho bà số tiền là 50.000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 10-3-2017 (âm lịch), gồm 14 hụi viên (bà H tham gia 02 phần, một phần lấy tên là Em T). Bà H đóng được 07 tháng cho 02 phần hụi thì bà Y, ông H ngưng hụi đối với bà H. Do vậy bà H yêu cầu bà Y, ông H phải trả cho bà số tiền là 70.000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 01-10-2016 (âm lịch), gồm 14 hụi viên (bà H tham gia 02 phần, một phần ghi tên S H). Bà H đã hốt hụi một phần vào ngày 01/8/2017 (âm lịch) số tiền là 65.000.000 đồng, có trừ lại cho bà Y 5.000.000 đồng để hốt phần hụi cuối cùng với số tiền là 60.000.000 đồng tuy nhiên ông H bà Y lại không thanh toán. Do vậy bà H yêu cầu bà Y, ông H phải thanh toán tiền hụi là 60.000.000 đồng (12 tháng).

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 20-3-2017 (dương lịch), gồm 14 hụi viên (bà H tham gia góp hụi nhưng lấy tên là Em T). Bà H đóng được

07 tháng tiền hội thì bà Y ngưng hội đối với bà H. Do vậy bà H yêu cầu bà Y, ông H phải thanh toán cho bà số tiền là 14.000.000 đồng.

- Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 10-6-2017 (dương lịch), gồm 15 hội viên (bà H lấy tên là Em T). Bà H đóng được 04 tháng tiền hội thì bà Y, ông H ngưng hội đối với bà H. Do vậy bà H khởi kiện yêu cầu bà Y, ông H phải thanh toán cho bà số tiền 8.000.000 đồng.

- Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 15-9-2017 (dương lịch), gồm 13 hội viên (bà H tham gia lấy tên là Em T). Bà H đóng được 01 tháng tiền hội thì bà Y, ông H ngưng hội đối với bà H. Do vậy bà H yêu cầu bà Y, ông H phải thanh toán cho bà số tiền là 2.000.000 đồng.

- Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 10-9-2017 (dương lịch), gồm 13 hội viên. Bà H đóng được 01 tháng tiền hội thì bà Y, ông H ngưng hội đối với bà H. Do vậy bà H yêu cầu bà Y, ông H phải thanh toán cho bà số tiền là 1.000.000 đồng.

- Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 30-8-2017 (dương lịch), gồm 14 hội viên (bà Hiếu lấy tên là Em T). Bà H đóng được 02 tháng tiền hội thì bà Y, ông H ngưng hội đối với bà H. Do vậy bà H yêu cầu bà Y, ông H phải thanh toán số tiền 2.000.000 đồng.

- Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 30-7-2017 (dương lịch), gồm 13 hội viên (bà H lấy tên gọi là Em T). Bà H đóng được 03 tháng tiền hội thì bà Y, ông H ngưng hội đối với bà H. Do vậy bà H yêu cầu bà Y, ông H phải thanh toán cho bà số tiền 3.000.000 đồng.

- Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 20-9-2017 (dương lịch), gồm 13 hội viên (bà H lấy tên là Em T). Bà H đóng được 01 tháng tiền hội thì bà Y, ông H ngưng hội đối với bà H. Do vậy bà H yêu cầu bà Y, ông H phải thanh toán cho bà số tiền 1.000.000 đồng.

- Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 25-5-2017 (dương lịch), gồm 13 hội viên (bà H lấy tên là Em T). Bà H đóng được 06 tháng tiền hội thì bà Y, ông H ngưng hội đối với bà H. Do vậy bà H yêu cầu bà Y, ông H phải thanh toán cho bà số tiền 6.000.000 đồng.

- Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu ngày 07-01-2017 (dương lịch), gồm 14 hội viên (bà H lấy tên là Em T). Bà H đóng được 09 tháng tiền hội thì bà Y, ông H ngưng hội đối với bà H. Do vậy bà H yêu cầu bà Y, ông H phải thanh toán cho bà số tiền là 18.000.000 đồng.

- Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu ngày 15-10-2016 (dương lịch), gồm 14 hội viên (bà H lấy tên là Em T). Bà H đóng được 12 tháng tiền hội thì bà Y, ông H ngưng hội đối với bà H. Do vậy bà H yêu cầu bà Y, ông H phải thanh toán cho bà số tiền là 12.000.000 đồng.

- Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu ngày 30-12-2016 (dương lịch), gồm 16 hội viên (bà H lấy tên là Em T). Bà H đóng được 9 tháng tiền hội thì bà Y, ông H ngưng hội đối với bà H. Do vậy bà H yêu cầu bà Y, ông H phải thanh toán cho bà số tiền là 9.000.000 đồng.

Tất cả các hội viên của mỗi dây hội đều được liệt kê danh sách trong giấy góp hội do bà Y lập và ký tên xác nhận.

Về việc bà H mua hội:

- Dây hội 5.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 15-5-2017 (âm lịch), gồm 14 hội viên, bà H mua của bà Y, ông H01 phần hội với giá là 53.750.000 đồng, được hốt chót là 70.000.000 đồng nhưng chưa được hốt thì bà Y ngưng hội. Nay bà H yêu cầu bà Y, ông H trả lại cho bà số tiền là 53.750.000 đồng.

- Dây hội 5.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 22-4-2017 (âm lịch), gồm 14 hội viên, bà H mua của bà Y, ông H 01 phần hội với giá là 53.750.000 đồng, được hốt chót là 70.000.000 đồng nhưng chưa được hốt thì bà Y ngưng hội. Nay bà H yêu cầu bà Y, ông H phải trả lại bà số tiền là 53.750.000 đồng.

- Dây hội 5.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 28-6-2017 (âm lịch, tháng nhuận), gồm 14 hội viên, bà H mua của bà Y, ông H 01 phần hội với giá là 53.750.000 đồng, được hốt chót là 70.000.000 đồng nhưng chưa được hốt thì bà Y ngưng hội. Nay bà H yêu cầu bà Y, ông H phải trả cho bà số tiền là 53.750.000 đồng.

- Dây hội 5.000.000 đồng/tháng, bắt đầu vào ngày 10-3-2017 (âm lịch), gồm 14 hội viên, bà H mua của bà Y, ông H 01 phần hội với giá là 53.750.000 đồng, được hốt chót là 70.000.000 đồng nhưng chưa được hốt thì bà Y ngưng hội. Nay bà H yêu cầu bà Y, ông H trả lại cho bà số tiền 53.750.000 đồng.

+ Về tiền nợ sau khi mãn các dây hội thì bà Y, ông H còn thiếu lại 121.075.000 đồng nhưng các bên thỏa thuận và chót nợ là 104.000.000 đồng. Việc cộng tiền nợ hội này có lập giấy do chính bà Y tự tay viết ra.

Tổng số tiền góp hội, nợ hội và mua hội mà bà Y, ông H còn nợ lại bà H là 678.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó bà Y, ông H có đóng lại được 8.840.000 đồng, số tiền còn lại là 669.160.000 đồng.

Bà Trần Thị Ngọc G trình bày:

Bà Y, ông H có vay 145.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24k của bà G. Tuy nhiên bà G giao tiền cho bà H để bà H giao lại cho bà Y, ông H. Giữa bà G với bà Y, ông H có làm giấy vay tiền vào ngày 16-6-2016 âm lịch.

Bà H, bà G khởi kiện, yêu cầu bà Y ông H:

+ Trả cho bà H số tiền 669.160.000 đồng tiền hội;

+ Trả cho bà G số tiền 145.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24k (tương đương 23.100.000 đồng), tổng cộng là 168.100.000 đồng.

Bà H và bà G cung cấp những tài liệu chứng cứ gồm: Giấy cộng tiền nợ hội viết tay nhưng không ghi ngày tháng năm, số tiền 814.160.000 đồng (bản gốc); Giấy vay tiền ngày 16-6-2016 dương lịch số tiền 145.000.000 đồng viết tay (bản gốc); Giấy chót nợ hội ngày 27-10-2017 dương lịch, viết tay (bản gốc); Giấy nợ 07 chỉ vàng 24k, không ngày tháng năm, viết tay (bản gốc); 08 tờ giấy viết tay liệt kê ngày hốt hội (bản chính); 03 tờ giấy mua hội (bản chính); 18 tờ danh sách hội viên chơi hội đánh máy (bìa cứng bản chính).

Theo các biên bản lấy lời khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Võ Thị Xuân Y, ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Vợ chồng bà Y, ông H là chủ hội, bà H là thành viên tham gia góp hội. Bà Y, ông H thừa nhận bà H có tham gia góp hội vào những dây hội như bà H trình bày, việc bà H tham gia dây hội ngày 01-10-2016 (âm lịch) lấy tên là S H cũng đúng sự thật. Bà G không tham gia góp hội với vợ chồng bà. Tuy nhiên bà H không góp hội bằng tiền mặt mà lấy tiền lãi của khoản vay 145.000.000 đồng để góp hội, lãi suất là 0,5%/tháng, thời gian vay cách đây khoảng 12 năm (khoảng năm 2006). Do không góp tiền mặt nên bà Y, ông H mới ngưng hội đối với bà H. Việc góp hội diễn ra nhiều lần và qua nhiều năm, khi xảy ra tranh chấp thì do vội vàng nên vợ chồng bà đã xác nhận số tiền nợ hội và tiền vay là 814.000.000 đồng, sau đó tính toán lại thì số tiền nợ hội thực tế là 446.050.000 đồng.

Bà Y, ông H thừa nhận có vay số tiền 145.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24k của bà G nhưng nhận tiền và vàng từ bà H.

Bà Y, ông H đồng ý trả cho bà G số tiền vay 145.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24k; đồng ý trả cho bà H số tiền hội là 446.050.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Theo các bản khai, quá trình tham gia tố tụng tại tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn M trình bày:

Bà H là vợ của ông M có tham gia góp hội với bà Y, ông H. Việc góp hội cụ thể như thế nào thì bà H biết, ông M được biết hiện nay bà Y, ông H còn nợ bà H tiền hội là 669.160.000 đồng. Số tiền góp hội là của chung vợ chồng nhưng trong vụ án này ông M không có yêu cầu gì, chỉ có ý kiến đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 03-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố B: Áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466 và Điều 471 của Bộ luật dân sự; Các Điều 15, 19 và Điều 29 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường; Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H, bà Trần Thị Ngọc G về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội (họ) và hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Võ Thị Xuân Y, ông Nguyễn Hữu H.

1. Buộc bị đơn bà Võ Thị Xuân Y, ông Nguyễn Hữu H phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ hội cho bà Trần Thị H với số tiền là 669.160.000 đồng (sáu trăm sáu mươi chín triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).

2. Buộc bị đơn bà Võ Thị Xuân Y, ông Nguyễn Hữu H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc G với tổng số tiền là 168.100.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu một trăm ngàn đồng), trong đó 145.000.000 đồng là tiền vay, 23.100.000 đồng được quy đổi từ 07 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03-5-2018, bị đơn ông Nguyễn Hữu H, bà Võ Thị Xuân Y có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 03-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng: sửa bản án sơ thẩm, tuyên buộc bà Y ông H phải trả cho bà H, bà G số tiền 591.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các bên đương sự đã tự thỏa thuận và thống nhất được với nhau việc giải quyết vụ án như sau: bà H đồng ý cho 25.000.000đ, bà G cho 25.000.000đ, nên bà Y, ông H nợ còn lại bà H là 644.160.000đ, nợ bà G 143.100.000đ; án phí sơ thẩm bà Y, ông H chịu toàn bộ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm; Bà Y, ông H trả cho bà H 644.160.000đ, trả cho bà G 143.100.000đ; án phí sơ thẩm bà Y, ông H chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Xuân Y, ông Nguyễn Hữu H trong hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 03-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố B theo trình tự phúc thẩm.

[2] Sự vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của các đương sự ông Nguyễn Thái H và luật sư tại phiên tòa hôm nay, đã được các đương sự chấm dứt không yêu cầu nữa nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng tới việc xét xử vụ án.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị H, bà Trần Thị Ngọc G khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Hữu H, bà Võ Thị Xuân Y trả số tiền nợ hui cho bà H là 669.160.000 đồng và trả số tiền vay cho bà G là 168.100.000 đồng. Bị đơn ông Nguyễn Hữu H, bà Võ Thị Xuân Y cư trú tại thành phố B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay giữa các nguyên đơn bà Trần Thị H, bà Trần Thị Ngọc G), bị đơn (ông Nguyễn Hữu H, bà Võ Thị Xuân Y), người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (ông Võ Văn M) đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau: Bị

đơn ông Nguyễn Hữu H, bà Võ Thị Xuân Y có trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị H số tiền 644.160.000đ (giảm 25.000.000đ so với bản án sơ thẩm đã tuyên 669.160.000đ); Bị đơn ông Nguyễn Hữu H, bà Võ Thị Xuân Y có trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị Ngọc G số tiền 143.100.000đ (giảm 25.000.000đ so với bản án sơ thẩm đã tuyên 168.100.000đ); án phí sơ thẩm ông Nguyễn Hữu H, bà Võ Thị Xuân Y chịu toàn bộ. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử có căn cứ công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như trên, sửa bản án sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 03-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Hữu H, bà Võ Thị Xuân Y chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 03-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố B như sau:

- Ông Nguyễn Hữu H, bà Võ Thị Xuân Y có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền hội (họ) 644.160.000đ (sáu trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Ông Nguyễn Hữu H, bà Võ Thị Xuân Y có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Ngọc G số tiền vay 143.100.000đ (một trăm bốn mươi ba triệu, một trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Xuân Y, ông Nguyễn Hữu H phải nộp 36.921.400đ (ba mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi một ngàn, bốn trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị H, bà Trần Thị Ngọc G số tiền 18.500.000đ (mười tám triệu, năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008508 ngày 12-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu H, bà Võ Thị Xuân Y phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002219 ngày 17-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Ông H bà Y đã nộp đủ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 06-9-2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND thành phố B;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thành Hiếu

